

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Số: 01/2024/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**V/v Ban hành Quy định về định mức
lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 155/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 171/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định nội dung và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê do ngân sách tỉnh bảo đảm;

Xét Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra số 06/BC-KTNS ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định về định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 220/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XVII nhiệm kỳ 2011-2016 về việc Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khóa XIX, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 02 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2024. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo; Báo Bắc Ninh; Đài PTTH; Công TTĐT tỉnh; TTXVN tại Bắc Ninh;
- Lưu : VT, Phòng CT.HĐND, LĐVP

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Chung

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**
(Kèm theo Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐND ngày 02 tháng 4 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số nội dung, định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

b) Các nội dung, định mức lập dự toán từ nguồn kinh phí đối ứng của ngân sách tỉnh để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp Quốc gia được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Khuyến khích các đơn vị sử dụng các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo các định mức chi tại Nghị quyết này.

d) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học và công nghệ theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn triển khai tại tỉnh được áp dụng quy định tại Nghị quyết này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết này là định mức áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Các nội dung và định mức chi khác để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được quy định theo Điều 3 Thông tư 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 4. Một số định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Mức chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hệ số lao động khoa học và cách tính dự toán chi thù lao của các chức danh hoặc nhóm chức danh được thực hiện tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quá 32 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của Chủ nhiệm nhiệm vụ.

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định.

Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

c) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Mức chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày, tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Mức chi thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Các trường hợp được thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Trong trường hợp cần thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước: Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ yêu cầu công việc cần thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết và kết quả dự kiến của việc thuê chuyên gia. Lập dự toán chi tiết theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính trong thuyết minh nhiệm vụ để Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ xem xét, đánh giá làm cơ sở để Tổ thẩm định Tài chính rà soát dự toán, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia.

3. Chi công tác phí trong nước phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

4. Chi hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu: định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Người chủ trì	Buổi	2.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	500
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	3.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.500
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/buổi	300

Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

5. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

a) Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 171/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

b) Đối với điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu: các nội dung và mức chi bao gồm: chi lập mẫu phiếu điều tra, khảo sát; chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra, khảo sát; chi tiền công và chi cho đối tượng cung cấp thông tin; chi xử lý kết quả điều tra; chi in ấn tài liệu phục vụ điều tra, khảo sát. Trong đó, định mức chi cụ thể như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
I	Lập mẫu phiếu		
1	Đến 30 chỉ tiêu	Mẫu phiếu được duyệt	1.000
2	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Mẫu phiếu được duyệt	1.500
3	Trên 40 chỉ tiêu	Mẫu phiếu được duyệt	2.000
II	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra	Báo cáo	7.000

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
III	Chi xử lý kết quả điều tra		Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 171/2019/NQ-HĐND
IV	Chi tiền công và chi cho đối tượng cung cấp thông tin		Theo quy định tại điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 171/2019/NQ-HĐND
V	Chi in ấn tài liệu phục vụ điều tra, khảo sát		Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

6. Chi tập huấn, hội nghị với các nội dung: chi cho thù lao giảng viên/báo cáo viên; Hội trường; giải khát giữa giờ; hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu tham dự; chi in ấn tài liệu phục vụ tập huấn, hội nghị. Trong đó, định mức chi cụ thể như sau:

a) Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên: Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 155/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán: Theo quy định tại điểm a và b khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

c) Hội trường, trang trí hội trường; chi in ấn tài liệu phục vụ tập huấn, hội nghị: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

d) Giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/người/buổi.

7. Mức chi hợp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá, mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1, Điều 5 Nghị quyết này.

8. Mức chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự

toán kinh phí thực hiện nhiệm khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.

9. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	<i>Chủ tịch Hội đồng</i>		1.500
	<i>Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên/ủy viên Hội đồng</i>		1.000
	<i>Thư ký khoa học</i>		300
	<i>Thư ký hành chính</i>		300
	<i>Đại biểu được mời tham dự</i>		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	<i>Nhận xét đánh giá của thành viên/ủy viên Hội đồng</i>		500
	<i>Nhận xét đánh giá của thành viên/ủy viên phản biện trong Hội đồng</i>		700
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	<i>Chủ tịch Hội đồng</i>		700
	<i>Phó chủ tịch hội đồng; thành viên/ủy viên Hội đồng</i>		500

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	<i>Chủ tịch Hội đồng</i>		1.800
	<i>Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên/ủy viên Hội đồng</i>		1.500
	<i>Thư ký khoa học</i>		300
	<i>Thư ký hành chính</i>		300
	<i>Đại biểu được mời tham dự</i>		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	<i>Nhận xét đánh giá của thành viên/ủy viên Hội đồng</i>		700
	<i>Nhận xét đánh giá của thành viên/ủy viên phản biện trong Hội đồng</i>		1.000
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	<i>Chủ tịch Hội đồng</i>		1.800
	<i>Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên/ủy viên Hội đồng</i>		1.500
	<i>Thư ký khoa học</i>		300
	<i>Thư ký hành chính</i>		300
	<i>Đại biểu được mời tham dự</i>		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	<i>Nhận xét đánh giá của thành viên/ủy viên Hội đồng</i>		700

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
	<i>Nhận xét đánh giá của thành viên/ủy viên phản biện trong Hội đồng</i>		1.000
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng	Chuyên gia	1.500

b) Mức chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của Tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 05 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của thành viên/ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Mức chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

a) Mức chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

b) Mức chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 4 Nghị quyết này.

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Các nội dung, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và đối với công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ chuyên môn, nguồn kinh phí, đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của cơ quan, đơn vị để quy định các nội dung, mức chi để làm căn cứ lập dự toán thực hiện nhiệm vụ. Các nội dung: thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học; chi hợp Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) đảm bảo không vượt 75% mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

- Đối với công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ chuyên môn, nguồn kinh phí, đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của cơ quan, đơn vị để quy định các nội

dung, mức chi đảm bảo không vượt quá 75% mức chi đối với chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt đến khi kết thúc thời gian thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / 



PHỤ LỤC I
HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG CHUYÊN MÔN
PHỤC VỤ CÔNG TÁC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CƠ SỞ DÙNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND
ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

1. Chức danh thực hiện nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ

- Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Mỗi nhiệm vụ chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Thư ký khoa học

- Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

- Mỗi nhiệm vụ chỉ có một thư ký khoa học.

c) Thành viên chính

- Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

- Trong một nhiệm vụ có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

d) Thành viên: Thành viên thực hiện nhiệm vụ là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

đ) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông): Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ.

e) Việc lập dự toán chi tiết thù lao cho các chức danh phải gắn với các nội dung nghiên cứu và các công việc cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

2. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

a) Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H _{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

b) Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

3. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ

a) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

b) Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Phụ lục này được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó: TL_{CN} : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ.

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

T : Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

c) Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a mục 1.2 khoản 1 Phụ lục này được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó: TL_{TK} : Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này;

T : Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

c) Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó: TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại mục 3.1 khoản 3 Phụ lục này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại mục 2.1 khoản 2 Phụ lục này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này;

Σt_{NCD} : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

d) Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó: TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại mục 3.1 khoản 3 Phụ lục này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại mục 2.1 khoản 2 Phụ lục này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này;

Σt_n : Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($t_n < 22$).

PHỤ LỤC II
VÍ DỤ VỀ CÁCH XÂY DỰNG DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

((Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND
ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh))

Tình huống ví dụ: Một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thời gian thực hiện là 36 tháng với 02 nội dung nghiên cứu. Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ bao gồm: 01 chủ nhiệm; 01 thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ; lao động phổ thông. Dự toán thù lao thực hiện nhiệm vụ được tính như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6
I	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.				
II	Nội dung nghiên cứu					579,38
1	Nội dung 1:... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện					164,352
1.1	Công việc 1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 03 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 1,5 tháng (thành viên 1 thực hiện trong 1 tháng; thành viên 2 thực hiện trong 0,3 tháng; thành viên 3 thực hiện trong 0,2 tháng).					44,80

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	32	1	25,60
	- Thù lao nhóm 03 thành viên	0,4	3	32	1,5	19,20
1.2	Công việc 2: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 02 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 02 tháng (thành viên 1 thực hiện trong 1,5 tháng; thành viên 2 thực hiện trong 0,5 tháng) và 05 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ. Mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.					67,20
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	32	1	25,6
	- Thù lao nhóm 02 thành viên	0,4	2	32	2	25,6
	- Thù lao nhóm 05 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	5	32	2,5	16,00
1.3	Công việc 3: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.					52,352

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	32	0,545 (= 12/22)	13,952
	- Thù lao nhóm 02 thành viên	0,4	2	32	2	25,6
	- Thù lao nhóm 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	4	32	2	12,80
1.4 Công việc 4...						
2	Nội dung 2: ... Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)					115,508
2.1	Công việc 1: ... Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 0,5 tháng quy đổi và 03 thành viên tham gia (trong đó có thư ký khoa học tham gia với chức danh thành viên và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi					64,00
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	32	0,5	12,80
	- Thù lao nhóm 03 thành viên	0,4	3	32	3	38,40
	- Thù lao nhóm 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	4	32	2,0	12,80

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DM _{CN})	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6
2.2	Công việc 2: ... Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi					51,508
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	32	1	25,6
	- Thù lao 01 thành viên	0,4	1	32	0,36 (= 8/22)	4,608
	- Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	3	32	1,5	9,6
	- Thù lao lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất 4,68 triệu đồng x số tháng thực hiện quy đổi)		5		2,5	11,70
3	Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ: ($TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	1	1	32	7,2 (=20% x 36)	230,4
4	Thù lao của thư ký khoa học: ($TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	0,3	1	32	7,2 (=20% x 36)	69,12
III	Xây dựng báo cáo tổng kết	Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.				
	TỔNG CỘNG					579,38